

Số: 10/2022/QĐST-DS

Đ, ngày 11 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 36/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị M** sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Xóm H, xã V, huyện Đ - Thái Nguyên.

Bị đơn: - Ông **Trần Văn M1**, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Tổ 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị **Phạm Thị Ngọc Q**, sinh năm 1998.

2. Anh **Phạm Đức D**, sinh ngày 30/5/2004.

Cùng nơi cư trú: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Phạm Thị Ngọc Q ủy quyền cho bà Đặng Thị M tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Đức D: Bà Đặng Thị M (mẹ anh D).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Văn M1 phải trả cho bà Đặng Thị M số tiền **280.000.000 đồng** (hai trăm tám mươi triệu đồng). Thời hạn cuối cùng ông Trần Văn M1 phải trả

cho bà Đặng Thị M số tiền **280.000.000 đồng** (hai trăm tám mươi triệu đồng) là ngày **30/6/2022**.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn trả nợ, bà Đặng Thị M có đơn yêu cầu thi hành, ông Trần Văn M1 không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí: Bà Đặng Thị M phải chịu **3.500.000 đồng** tiền án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ngày 29/12/2021, biên lai thu số 0005245. Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị M **3.500.000 đồng** tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Trần Văn M1 phải chịu **3.500.000 đồng** tiền án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Hữu Nường